

	VITAL TECHNICAL SDN. BHD.	 
	Tài liệu kỹ thuật	
	VT-212 Sanitary Sealant	

Issuance date: 31/03/2018

Revision date: 10/01/2025

Revision No.: 25-01

VT-212 Keo trám cho thiết bị vệ sinh

Keo Silicone Trung Tính 100%



GỐC HÓA HỌC

Silicone polymer

TRẠNG THÁI VẬT LÝ

Keo mềm, không chảy xệ
(trước khi đóng rắn)
Cao su đàn hồi
(sau khi đóng rắn)

MÀU SẮC

Trong suốt,
Trắng
Be

THỜI GIAN KHÔ BỀ MẶT

10 – 30 phút
(tại 25°C và độ ẩm tương
đối (R.H) 50%)

ĐÓNG GÓI

300 mL/ống
(24 ống/thùng)

HẠN SỬ DỤNG

13 tháng

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN

Bảo quản nơi khô ráo,
thông thoáng với nhiệt độ
môi trường thấp hơn 30°C

NHIỆT ĐỘ SỬ DỤNG

-20 °C – 50 °C

KHẢ NĂNG CHỊU NHIỆT

Lên đến 150°C

MÔ TẢ



VT-212 là keo trám silicone có khả năng chống chịu tốt đối với thời tiết, bức xạ UV, độ rung, độ ẩm, ozone, nhiệt độ khắc nghiệt, các chất ô nhiễm trong không khí, nhiều loại chất tẩy rửa và dung môi.

Keo trám đàn hồi này có tính co giãn vĩnh viễn sau khi đóng rắn. VT-212 là keo trám một thành phần có tính đàn hồi cao sau khi đóng rắn và có khả năng chuyển vị $\pm 25\%$. Được pha chế đặc biệt với tính năng chống nấm mốc và hàm lượng VOC thấp, VT-212 đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt của luật SCAQMD # 1168 (Keo trám cho kiến trúc) về hàm lượng zVOC thấp và đã được thử nghiệm theo tiêu chuẩn ASTM G21.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Cơ chế đóng rắn	: Đóng rắn theo cơ chế hơi ẩm, trung tính	
Khối lượng riêng	: 0.98 - 1.02 g/mL	
Độ sụt, lún	: <1 mm	Độ sụt, lún
Cường độ kéo	: 1.3 N/mm ²	Cường độ kéo
Độ giãn dài tối đa	: 390 %	Độ giãn dài tối đa
Khả năng chuyển vị	: $\pm 25\%$	Khả năng chuyển vị
Độ cứng Shore A	: 23	Độ cứng Shore A
Thử nghiệm chống nấm mốc	: Cấp 0 (100% diện tích bề mặt không bị nấm mốc)	Thử nghiệm chống nấm mốc
Tuân thủ VOC thấp	: Đáp ứng	Tuân thủ VOC thấp
Hàm lượng VOC	: 31.11 g/L	Hàm lượng VOC
	: 2.83 %	

ĐẶC TÍNH

- Cơ chế đóng rắn ở môi trường trung tính
- Chống nấm mốc
- Khả năng chuyển vị $\pm 25\%$
- Tuân thủ VOC thấp
- Co giãn vĩnh viễn
- Sử dụng trong nhà và ngoài trời

PHƯƠNG PHÁP THỬ/ TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

VT-212 đáp ứng được những yêu cầu sau:

- ASTM G21 (chống nấm mốc).
- FDA 21 CFR Phần 175.300 (an toàn vệ sinh thực phẩm).
- ASTM C920, Loại S, Bậc NS, Chương 25, Sử dụng NT, A & G.
- VOC thấp - Phương pháp USEPA 24 Theo luật SCAQMD 1168 & Phương pháp USEPA 310.

ỨNG DỤNG

- Thích hợp để sử dụng cho các khu vực ẩm ướt như nhà vệ sinh và nhà bếp, nơi keo trám hay bị nấm mốc
- Được sử dụng rộng rãi để làm kín vách tắm, bồn tắm, bồn rửa, vv....

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

- Tất cả bề mặt phải được khô và sạch; loại bỏ bụi bẩn, mỡ, dầu hoặc nước đọng.
- Để hoàn thiện gọn gàng hơn, cần sử dụng băng keo chuyên dụng và tháo bỏ ngay sau khi thi công.
- Sơn lót 602 được đặc biệt khuyên dùng cho các bề mặt rỗng, xốp như bê tông để có được độ bám dính tốt nhất.
- Đối với các khe trám được thiết kế có độ sâu trên 10 mm, sử dụng các vật liệu đệm đã được phê duyệt.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Cắt đầu ống thật cẩn thận.
2. Cắt đầu vòi theo đường kính thích hợp với một góc từ 45° đến 60°.
3. Sử dụng súng bơm và bơm keo trám thành 1 đường.
4. Miết keo trám bằng dụng cụ chuyên dụng sạch và khô khi keo trám còn ướt để tạo bề mặt trơn láng.

	VITAL TECHNICAL SDN. BHD.	 
	Tài liệu kỹ thuật	
	VT-212 Sanitary Sealant	

Issuance date: 31/03/08

Revision date: 10/01/2025

Revision No.: 25-01

VT-212

Keo trám cho
thiết bị vệ sinh

VỆ SINH

- Keo trám ướt có thể được lau sạch với acetone hoặc dung môi thích hợp.
- Keo trám sau khi đóng rắn chỉ có khả năng được loại bỏ bằng cơ học.

THIẾT KẾ MỐI NỐI

- Kích thước của đường keo trám nên được tính toán để phù hợp với khả năng nén và giãn nở của keo trám liên quan đến chiều rộng dự kiến của mối nối do sự giãn nở và co ngót.
- Thông thường, độ rộng của đường keo trám nên được tính toán dựa trên cơ sở khả năng chuyển vị tối đa $\pm 25\%$.
- Độ sâu tối thiểu không được phép nhỏ hơn 6 mm để phù hợp với chuyển động.
- Tỷ lệ chiều rộng và chiều sâu của khe trám được thiết kế phải là 2:1

ĐỊNH MỨC

Độ rộng	Độ sâu	Định mức (300 ml) *
6 mm	6 mm	7.58 mét
10 mm	10 mm	2.73 mét
20 mm	10 mm	1.36 mét
25 mm	12 mm	0.91 mét

* Định mức ở trên là gần đúng, dựa trên giả định hao hụt 10%. Định mức thực tế có thể thay đổi.

▪ Công thức tính:

$$X / [(Y \times Z) \times 1.1] = \text{định mức}$$

X = thể tích của ống (hay dạng xúc xích) ml

Y = độ rộng khe cm

Z = độ sâu khe cm

1.1 = hao hụt giả định 10%.

Định mức = độ dài kéo dài được tính trên mỗi ống

HẠN CHẾ

Khuyến cáo không được sử dụng cho các ứng dụng sau:

- Ứng dụng kính kết cầu.
- Dưới nước hoặc ngâm trong nước vĩnh viễn.
- Các khu vực có sự lưu thông chịu mài mòn.
- Polycarbonate và polyacrylate, nếu chịu lực căng.
- Các ứng dụng yêu cầu keo trám được sơn phủ.
- Cao su tổng hợp

CHÚ Ý

Sản phẩm giải phóng methyl ethyl ketoxime trong quá trình thi công và đóng rắn. Có thể gây dị ứng da. Tránh hít bụi, khói, khí, hơi. Mang găng tay, quần áo, kính, mặt nạ bảo hộ. Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban: Hãy nhận sự tư vấn / chăm sóc y tế. Giặt quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng. Tài liệu hướng dẫn an toàn có sẵn theo yêu cầu. Để biết thêm thông tin về sức khỏe và an toàn, hãy tham khảo thêm tài liệu an toàn mới nhất.

GHI CHÚ PHÁP LÝ

Mọi nỗ lực đã được thực hiện để đảm bảo rằng thông tin được cung cấp ở đây là đúng sự thật và đáng tin cậy nhưng nó chỉ được cung cấp để hướng dẫn khách hàng của chúng tôi. Công ty không thể chịu bất kỳ trách nhiệm nào về mất mát hoặc thiệt hại có thể xảy ra do việc sử dụng thông tin, do khả năng thay đổi của quá trình xử lý hoặc điều kiện làm việc và tay nghề nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi. Người tiêu dùng nên xác nhận tính phù hợp của sản phẩm này bằng các thử nghiệm trước khi sử dụng.